



dài lù

带路

Verb · Show the way / Lead the way

Example Sentences

wǒ dài lù

我带路。

I will lead the way.

qǐng gēn wǒ lái

wǒ lái dài lù

请跟我来，我来带路。

Please follow me, I'll lead the way.

yóu yú dì xíng fù zá

wǒ men bù dé bù qǐng yí wèi dāng dì xiàng dǎo lái dài lù

由于地形复杂，我们不得不请一位当地向导来带路。

Due to the complex terrain, we had to ask a local guide to lead the way.

Trace each character, then write the word on your own.

带	带	带	带	带	带	带	带	带	带	带
带										

路	路	路	路	路	路	路	路	路	路	路
路	路	路	路	路						